TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Số: **40**/2021/QĐST-DS	*Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST-DS ngày 27/02/2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 102/11 đường 30/4, Tổ 9, Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh B.

1.2. Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 134 đường 1, Tổ 70, Khu phố 5, KDC H, phường H, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đàm Thị Minh T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 293/21/56B Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh B; Bà Lê Trần Vân A, sinh năm 1977; trú tại 113/78A đường 30/4, phường P, thành phố T, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Viết T và bà Trần Thị Phương T.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 136/18, Tổ 5, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh B. Ông S chết vào ngày 22/12/2020, theo trích lục khai tử số 1522/TLKT-BS ngày 22/12/2020 của UBND phường Phú Hòa. Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng (hàng thừa kế thứ nhất) của ông Trần Văn S gồm:

2.1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1966; địa chỉ thường trú tại 136/18, N, tổ 5 khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh B.

2.2. Bà Trần Thủy T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số 136/18, Tổ 5, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh B.

2.3. Bà Vũ Thị Thùy D, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 136/18, Tổ 5, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn M, sinh năm 1965; địa chỉ: 136/18 N, phường P, thành phố T, tỉnh B.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn M về việc yêu cầu: Hủy hợp đồng ủy quyền số 002056 quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2012 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn M. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 786054, số vào sổ cấp GCN số CH55248 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/7/2013 cho ông Trần Minh T. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 07203 do Văn phòng công chứng A công chứng ngày 15/11/2013 giữa ông Trần Minh T và ông Phạm Văn P.

2. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 100,2 m^2 theo kết quả đo đạc ngày 23/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương cho kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Văn S gồm: Bà Lê Thị D, bà Trần Thủy T, bà Vũ Thị Thùy D (vị trí II kèm theo sơ đồ bản vẽ).

2.1. Ông Nguyễn Viết T được quyền quản lý sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế là 298,8m^2 (Vị trí I kèm theo sơ đồ bản vẽ).

2.2. Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn S gồm: Bà Lê Thị D, bà Trần Thủy T, bà Vũ Thị Thùy D được quyền quản lý sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế tổng cộng là 279,1m^2 (trong đó diện tích 178,9m^2 vị trí III và diện tích 100,2 m^2 vị trí II kèm theo sơ đồ bản vẽ).

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BU 981316 vào sổ cấp GCN số: CH 06419 do UBND thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày 19/09/2014 cho ông Phạm Văn P, đăng ký biến động ngày 22/03/2018 sang tên ông Nguyễn Viết T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 299450, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H43098 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 29/8/2008 cho ông Trần Văn S để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quy định.

4. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký điều chỉnh biến động về diện tích thửa đất và thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

5. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện nộp số tiền 4.305.622đồng, nguyên đơn đã thực hiện xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm là 21.030.000đồng án phí sơ thẩm được khấu trừ 21.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0033481 ngày 20/02/2019 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0034429 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 270.000đồng.

6.2. Hoàn trả ông Trần Văn M 1.200.000đồng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0041247 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

8. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Phong